

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **119/2017/DS-ST**

Ngày: 14-12-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vạn

2. Ông Huỳnh Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 425/2017/TLST-DS ngày 10-7-2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2017/QĐXXST-DS ngày 17-11-2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Trụ sở chính: 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968 – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và kiểm soát gian lận – trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng TMCP V

(Theo văn bản ủy quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13/3/2017 và văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22/6/2017 của Ngân hàng TMCP V).

Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh V1, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 3 (tầng 1) đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/6/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần V). (Ông V1 có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Bé T1, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 6/14A ấp M, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Bà T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22-6-2017, bản tự khai ngày 09-8-2017, biên bản hòa giải ngày 17-11-2017 và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh V1 trình bày:*

Vào ngày 14-01-2015 Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà Võ Thị Bé T1 có ký hợp đồng tín dụng số 20150119-100246-0001 để vay của nguyên đơn số tiền 26.250.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng; mục đích là tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng. Hàng tháng bà T1 phải trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 20-02-2015.

Theo đó, đợt thanh toán đầu tiên của bà T1 bắt đầu từ ngày 20-02-2015, tổng kỳ trả là 36 kỳ với tổng số tiền (bao gồm gốc và lãi) là 48.247.000 đồng (bốn mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), mỗi kỳ trả 1.341.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng), kỳ cuối cùng trả 1.312.000 đồng (một triệu ba trăm mười hai ngàn đồng).

Cho đến nay bà T1 chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V được 04 kỳ với tổng số tiền 10.064.000 đồng (mười triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). Bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ sau ngày 12-7-2016 cho đến nay. Mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nhắc nhở bà T1 trả nợ nhiều lần.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu bà Võ Thị Bé T1 trả toàn bộ khoản nợ gốc còn lại là 20.741.236 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng) và tiền nợ lãi tới hạn tính cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 17.299.989 đồng (mười bảy triệu hai trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại bản tự khai ngày 09-8-2017 và biên bản hòa giải ngày 17-11-2017 – Bị đơn bà Võ Thị Bé T1 trình bày:*

Vào ngày 14-01-2015 bà có ký hợp đồng tín dụng số 20150119-100246-0001 với Ngân hàng thương mại cổ phần V để vay số tiền 26.250.000 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng; mục đích là tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng. Hàng

tháng trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 20-02-2015.

Từ ngày 20-02-2015 đến ngày 12-7-2016 bà đã đóng được 10.064.000 đồng (mười triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Do bà phải nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên dẫn đến không đúng hạn trong việc thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay bà đề nghị phía nguyên đơn xem xét miễn giảm cho bà phần tiền lãi, bà đồng ý trả nợ gốc 20.741.236 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng) theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ gốc trên.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Võ Thị Bé T1. Bà T1 có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Do bị đơn bà Võ Thị Bé T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ vào Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng 20150119-100246-0001 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà Võ Thị Bé T1 được lập vào ngày 14-01-2015, thời hạn vay là 36 tháng. Hai bên thỏa thuận việc trả góp thực hiện vào ngày 20 hàng tháng, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà T1 đã trả góp được 04 kỳ và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 12-7-2016 cho đến nay. Đến ngày 22-6-2017 Ngân hàng thương mại cổ phần V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh nên căn cứ theo Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Bé T1 thanh toán các khoản tiền góp còn lại của hợp đồng tính đến ngày 14-12-2017 là 20.741.236 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng) và tiền nợ lãi tới hạn là 17.299.989 đồng (mười bảy triệu hai trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Bé T1 thừa nhận có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng 20150119-100246-0001 với nguyên đơn và số nợ nêu trên, tuy nhiên bà T1 xin được trả nợ gốc, đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi và bà sẽ trả dần số nợ gốc còn lại bằng phương thức trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý.

[8] Qua xem xét Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng 20150119 – 100246-0001 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà Võ Thị Bé T1 lập ngày 14-01-2015 là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ vào Mục C quy định về Điều khoản chung của hợp đồng tín dụng dẫn chiếu đến Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ thì tại khoản 3.2 Điều 3 quy định về Quyền và Nghĩa vụ ngân hàng V như sau: “*Ngân hàng V có quyền chấm dứt Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, bằng cách gửi Thông báo cho khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức trong trường hợp khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào của Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng (bao gồm cả bản Điều khoản và Điều kiện này)*”. Như vậy, mặc dù chưa hết hạn hợp đồng nhưng việc bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu trả nợ theo quy định. Đồng thời, căn cứ vào Bảng kế hoạch trả nợ và lời khai của các đương sự có cơ sở xác định tính đến ngày 14-12-2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc là 20.741.236 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng) và tiền nợ lãi tới hạn là 17.299.989 đồng (mười bảy triệu hai trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng là

38.041.225 đồng (ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi một ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng).

[9] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100233583 thì Ngân hàng thương mại cổ phần V là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V, việc bà T1 xin không trả tiền lãi là không có cơ sở xem xét; vì vậy, buộc bị đơn bà Võ Thị Bé T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V số nợ gốc là 20.741.236 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng) và tiền nợ lãi tới hạn tính đến ngày 14-12-2017 là 17.299.989 đồng (mười bảy triệu hai trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng là 38.041.225 đồng (ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi một ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Trường hợp bị đơn bà Võ Thị Bé T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.902.061 đồng (một triệu chín trăm lẻ hai ngàn không trăm sáu mươi một đồng); nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[12] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn bà Võ Thị Bé T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà Võ Thị Bé T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V số nợ gốc là 20.741.236 đồng (hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng) và tiền nợ lãi tới hạn tính đến ngày 14-12-2017 là 17.299.989 đồng (mười bảy triệu hai trăm chín mươi chín ngàn chín trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng là 38.041.225 đồng (ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi một ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bị đơn bà Võ Thị Bé T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Võ Thị Bé T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.902.061 đồng (một triệu chín trăm lẻ hai ngàn không trăm sáu mươi một đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 942.179 đồng (chín trăm bốn mươi hai ngàn một trăm bảy mươi chín đồng) theo Biên lai thu số AA/2016/0022372 ngày 06-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hồng Cẩm